

Số: 105/QĐ-THCS

Hồng Hải, ngày 10 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Bộ Quy tắc ứng xử của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh
trong trường THCS Hồng Hải

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HỒNG HẢI

Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 về việc phê duyệt đề án
"Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025";

Căn cứ công văn số 282/BGDĐT-CTHSSV ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục
và Đào tạo về việc đẩy mạnh môi trường văn hóa trong trường học;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ
Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ
thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ
Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo
dục;

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 v/v Quy định Quy tắc
ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục
thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 1310/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Bộ
quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh ngày 20/4/2020;

Xét đề nghị của Ban chấp hành công đoàn và các tổ chuyên môn;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ Quy tắc ứng xử của cán
bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường THCS Hồng Hải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân
viên, học sinh của nhà trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Thái Thị Phượng

BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA CB,GV,NV VÀ HỌC SINH
TRƯỜNG THCS HỒNG HẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 105/QĐ-THCS ngày 10/10/2024
của Hiệu trưởng trường THCS Hồng Hải)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ đề ra các quy tắc đạo đức và ứng xử

- 1.1. Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 về việc phê duyệt đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025”;
- 1.2. Quy định về đạo đức Nhà giáo, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- 1.3. Công văn số 282/BGDĐT-CTHSSV ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh môi trường văn hóa trong trường học;
- 1.4. Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2007;
- 1.5. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- 1.6. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 V/v Quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;
- 1.7. Quyết định số 1310/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh ngày 20/4/2020.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng

Quy tắc ứng xử quy định về chuẩn mực đạo đức nhà giáo và quy tắc ứng xử của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường trong thi hành nhiệm vụ, trong quan hệ với đồng nghiệp, học sinh, cha mẹ học sinh và trong xã hội; quy tắc ứng xử văn hóa của học sinh được áp dụng trong thời gian học tập tại trường và ngoài xã hội.

Điều 3. Mục đích ban hành Quy tắc ứng xử

- 3.1. Quy tắc này quy định các chuẩn mực về đạo đức và ứng xử của cán bộ, giáo viên, nhân viên khi thi hành nhiệm vụ và trong quan hệ với đồng nghiệp, với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội; ứng xử văn hóa của học sinh đối với thầy, cô giáo, nhân viên trong trường, khách đến trường, trong gia đình và cộng đồng xã hội.
- 3.2. Nâng cao ý thức, tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác phòng, chống tham nhũng nói riêng và thực hiện các quy định của pháp luật nói chung.
- 3.3. Quy tắc này là căn cứ để nhà trường xử lý trách nhiệm khi cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm các chuẩn mực đạo đức và xử sự trong thực hiện nhiệm vụ và trong các mối quan hệ công tác; là căn cứ để đánh giá, xếp loại và giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật của cán bộ, giáo viên, nhân viên; là căn cứ để đánh giá, khen thưởng và xếp loại học sinh hàng năm.

Điều 4. Các hành vi bị cấm

4.1. Hút thuốc lá trong phòng làm việc, trong phòng họp, lớp học, trong nhà trường và nơi đông người.

4.2. Uống rượu, bia, đồ uống có cồn trong giờ làm việc, hoặc ngoài giờ làm việc uống rượu, bia say, bê tha, không làm chủ được bản thân.

4.3. Đánh bạc dưới mọi hình thức và tham gia các tệ nạn xã hội, các hoạt động giải trí không lành mạnh.

II. QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ, NHÂN VIÊN, NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG NHÀ TRƯỜNG

Điều 5. Phẩm chất chính trị

5.1. Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật.

5.2. Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao lý luận chính trị để vận dụng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

5.3. Có ý thức tổ chức kỷ luật, nghiêm túc chấp hành sự phân công của cấp trên; có ý thức vì tập thể sư phạm, tập thể học sinh của nhà trường, luôn phấn đấu vì sự nghiệp chung, bảo vệ danh dự nhà trường, gìn giữ và phát huy “Đạy tốt - Học tốt”.

5.4. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội.

Điều 6. Đạo đức nghề nghiệp

6.1. Tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

6.2. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng Điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành.

6.3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

6.4. Thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, nghiêm túc; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

Điều 7. Lối sống, tác phong

7.1. Sống có lý tưởng, có mục đích, có ý chí vượt khó vươn lên, có tinh thần phấn đấu với động cơ trong sáng và tư duy sáng tạo; thực hành liêm, chính, chí công vô tư theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

7.2. Có lối sống hoà nhập với cộng đồng, phù hợp với bản sắc dân tộc và thích ứng với sự tiến bộ của xã hội; biết ủng hộ, khuyến khích những biểu hiện của lối sống văn minh, tiến bộ và phê phán những biểu hiện của lối sống lạc hậu, ích kỷ.

7.3. Tác phong làm việc nhanh nhẹn, khẩn trương, khoa học; có thái độ văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội, trong giao tiếp với đồng nghiệp, với học sinh; giải quyết công việc khách quan, tận tình, chu đáo.

7.4. Trang phục, trang sức khi thực hiện nhiệm vụ phải giản dị, gọn gàng, lịch sự, phù hợp với nghề dạy học, không gây phản cảm và phân tán sự chú ý của người học.

7.5. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ; đấu tranh, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật và các quy định nghề nghiệp; quan hệ, ứng xử đúng mực, gần gũi với nhân dân, cha mẹ học sinh, đồng nghiệp và người học; kiên quyết đấu tranh với các hành vi trái pháp luật.

7.6. Xây dựng gia đình văn hoá, thương yêu, quý trọng lẫn nhau; biết quan tâm đến những người xung quanh; thực hiện nếp sống văn hoá nơi công cộng.

Điều 8. Thái độ của cán bộ, nhà giáo đối với học sinh

8.1. Cần thể hiện thái độ gần gũi, tin cậy và cảm thông để có thể chia sẻ tình cảm với học sinh.

8.2. Tôn trọng học sinh; lắng nghe các ý kiến, quan tâm đến cảm xúc của học sinh.

8.3. Tạo bầu không khí học tập tự giác, cởi mở; khuyến khích học sinh chủ động, sáng tạo học tập; tạo cơ hội công bằng đối với tất cả học sinh.

Điều 9. Giữ gìn, bảo vệ truyền thống đạo đức nhà giáo

9.1. Không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi trái pháp luật, quy chế, quy định; không gây khó khăn, phiền hà đối với người học và nhân dân.

9.2. Không gian lận, thiếu trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục.

9.3. Không trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến người học; không tiếp tay, bao che cho những hành vi tiêu cực trong giảng dạy, học tập, rèn luyện của người học và đồng nghiệp.

9.4. Không xâm phạm thân thể, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học, đồng nghiệp, người khác; không làm ảnh hưởng đến công việc, sinh hoạt của đồng nghiệp và người khác.

9.5. Không tổ chức dạy thêm, học thêm trái với quy định.

9.6. Không hút thuốc lá, uống rượu, bia trong công sở, trong trường học và nơi không được phép hoặc khi thi hành nhiệm vụ giảng dạy và tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường.

9.7. Chỉ được sử dụng điện thoại di động khi cần thiết (phục vụ cho giảng dạy, tra cứu thông tin và nhận thông báo khẩn từ Lãnh đạo nhà trường và từ CMHS) song hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu sử dụng sai mục đích; Không sử dụng điện thoại trong các cuộc họp, coi thi, chấm thi...

9.8. Không gây bè phái, cục bộ địa phương, làm mất đoàn kết trong tập thể và trong sinh hoạt tại cộng đồng.

9.9. Không được sử dụng bục giảng làm nơi tuyên truyền, phổ biến những nội dung trái với quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước.

9.10. Không trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ, tự ý bỏ việc; không đi muộn về sớm, bỏ giờ, bỏ buổi dạy, cắt xén, dồn ép chương trình, vi phạm quy chế chuyên môn làm ảnh hưởng đến kỷ cương, nề nếp của nhà trường.

9.11. Không tổ chức, tham gia các hoạt động liên quan đến tệ nạn xã hội như: cờ bạc, mại dâm, ma tuý, mê tín, dị đoan; không sử dụng, lưu giữ, truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy, độc hại.

III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Ứng xử với bản thân

10.1. Nắm vững pháp luật, thông thạo nghiệp vụ, bản lĩnh vững vàng, động cơ trong sáng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

10.2. Có bản lĩnh và phẩm chất chính trị vững vàng; tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng Sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

10.3. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, kỷ luật, kỷ cương của ngành. Không đi muộn, về sớm; không làm việc riêng, không tự ý bỏ vị trí công tác trong giờ làm việc.

10.4. Không ngừng rèn luyện, học tập, nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác.

10.5. Thực hiện đúng những quy định trong Luật Giáo dục, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật.

10.6. Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm sự điều động, phân công của tổ chức, luôn phấn đấu vì sự nghiệp chung, bảo vệ danh dự nhà giáo.

10.7. Giáo viên lên lớp phải có kế hoạch bài dạy (giáo án) và đủ hồ sơ sổ sách; trong quá trình dạy học, khai thác triệt để, hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, đặc biệt là các thiết bị phòng học thông minh và tích cực ứng dụng CNTT-TT.

10.8. Không sử dụng điện thoại di động trong giờ dạy (*trừ trường hợp đặc biệt*).

10.9. Hạn chế đến mức tối đa giáo viên ngồi giảng dạy trong giờ học.

10.10. Ra, vào lớp đúng giờ.

10.11. Sắp xếp, bài trí bàn, phòng làm việc một cách khoa học, gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ; dạy xong phải để thiết bị đúng chỗ, ngắt điện.

10.12. Tác phong, trang phục:

Trang phục gọn gàng, chỉnh tề phù hợp với môi trường sư phạm; đeo thẻ công chức theo đúng quy định.

+ Đối với nam:

- Không để râu (ria), tóc dài.

- Thất cavat vào các ngày ngày Lễ khai giảng, Hội nghị Cán bộ, viên chức, người lao động, Đại hội Công đoàn, Lễ tổng kết và các ngày Lễ khác theo quy định của Hiệu trưởng.

+ Đối với nữ:

- Nữ không nhuộm tóc loè loẹt, ăn mặc phản cảm (Cổ áo trễ, váy ngắn, váy xòe với họa tiết hoa to, ngắn trên đầu gối chân, váy mỏng, quần quá bó sát,...)

- Mặc áo dài vào các ngày Lễ khai giảng, Hội nghị Cán bộ, viên chức, người lao động, Đại hội Công đoàn, Lễ tổng kết và các ngày Lễ khác theo quy định của Hiệu trưởng (*trừ trường hợp có thai*).

10.13. Hết giờ làm việc, trước khi ra về phải kiểm tra, tắt điện, quạt trần, điều hòa, các thiết bị dùng điện khác, khoá chốt các cửa bảo đảm an toàn cơ quan, đơn vị.

Điều 11. Ứng xử với các cơ quan, trường học và các cá nhân đến giao dịch

11.1. Văn minh, lịch sự khi giao tiếp; luôn thể hiện thái độ, cử chỉ, lời nói khiêm tốn, vui vẻ, bình tĩnh trong mọi tình huống; không to tiếng, hách dịch không nói tục hoặc có thái độ cục cằn...gây căng thẳng, bức xúc cho cha mẹ học sinh hoặc người đến giao dịch; không tùy tiện cung cấp các thông tin của nhà trường cho người khác biết.

11.2. Công tâm, tận tụy khi thi hành công vụ.

11.3. Cần nhanh chóng, chính xác khi giải quyết công việc.

11.4. Thấu hiểu, chia sẻ và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hướng dẫn tận tình, chu đáo cho cha mẹ học sinh hoặc người đến giao dịch.

11.5. Tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến đóng góp của cha mẹ học sinh hoặc người đến giao dịch và học sinh; trong khi thi hành công vụ, nếu phải để các cá nhân đến làm việc phải chờ đợi thì phải giải thích rõ lý do.

11.6. Tuyệt đối không cung cấp các thông tin nội bộ nhà trường, viên chức cho người khác biết.

Điều 12. Ứng xử đối với học sinh

12.1. Trong mọi tình huống, mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đặt tình thương và trách nhiệm đối với học sinh lên hàng đầu;

12.2. Tôn trọng nhân cách của học sinh, mềm mỏng nhưng kiên quyết, nghiêm khắc khi xử lý vi phạm của học sinh; không có thái độ trù dập học sinh;

12.3. Tôn trọng ý kiến của từng cá nhân học sinh; luôn lắng nghe và cùng chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống của học sinh; ứng xử thân thiện, gần gũi, không xúc phạm danh dự, thân thể, không phân biệt đối xử đối với học sinh;

12.4. Thấu hiểu hoàn cảnh riêng của mỗi học sinh; quan tâm, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt là học sinh chậm tiến bộ; luôn tạo cơ hội cho học sinh sửa chữa lỗi lầm, tạo điều kiện cho học sinh phấn đấu vươn lên;

12.5. Luôn là tấm gương sáng, mẫu mực về đạo đức, tác phong cho học sinh noi theo.

Điều 13. Ứng xử với cha mẹ học sinh

13.1. Chào hỏi niềm nở, chỉ dẫn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của cha mẹ học sinh, giải quyết công việc khách quan, tận tình, chu đáo.

13.2. Xác lập mối quan hệ mật thiết giữa nhà trường và gia đình, phối hợp giáo dục học sinh tiến bộ, tạo mọi điều kiện giúp đỡ học sinh đạt kết quả cao trong học tập.

Điều 14. Ứng xử với cấp trên, cấp dưới, đồng nghiệp

14.1. Đối với cấp trên

a) Cán bộ, giáo viên, nhân viên phải tôn trọng địa vị của người lãnh đạo và chấp hành nhiệm vụ được giao, đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, dám chịu trách nhiệm; có trách nhiệm đóng góp ý kiến trong hoạt động, điều hành để cho mọi hoạt động đạt hiệu quả.

b) Các nhiệm vụ được phân công phải chấp hành nghiêm túc, đúng thời gian; thường xuyên báo cáo, phản ánh tình hình thực hiện nhiệm vụ; thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

c) Trung thực, thẳng thắn trong báo cáo; đề xuất, tham gia đóng góp ý kiến với cấp trên; bảo vệ uy tín, danh dự cho cấp trên; không được lợi dụng việc góp ý, phê bình hoặc dùng đơn thư nặc danh, mạo danh làm tổn hại uy tín của cấp trên, của nhà trường;

14.2. Ứng xử với cấp dưới

a) Hướng dẫn cấp dưới triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính, việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

b) gương mẫu cho cấp dưới học tập, noi theo về mọi mặt; nắm vững tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng, hoàn cảnh của cấp dưới; chân thành đồng viên, thông cảm, chia sẻ khó khăn, vướng mắc trong công việc và cuộc sống của cấp dưới.

c) Tôn trọng cấp dưới; không cửa quyền, hách dịch, quan liêu, trù dập, thành kiến cấp dưới.

d) Tôn trọng và tạo niềm tin cho cán bộ, giáo viên, nhân viên khi giao và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; bảo vệ danh dự của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh khi bị phản ánh, khiếu nại, tố cáo không đúng sự thật.

14.3. Ứng xử với đồng nghiệp

a) Cán bộ, giáo viên, nhân viên phải chân thành, thân thiện, nhiệt tình, bảo đảm sự đồng thuận, đoàn kết vì sự nghiệp giáo dục và danh dự nhà trường.

b) Có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ, tích cực góp phần xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.

c) Không ghen ghét, đố kỵ, lôi kéo bè cánh, phe nhóm gây mất đoàn kết nội bộ.

d) Hợp tác, giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

e) Có thái độ thân ái và tôn trọng đồng nghiệp; việc phê bình đồng nghiệp được thực hiện một cách thận trọng, khách quan, đúng nơi, đúng lúc với tinh thần xây dựng;

g) Có ý thức hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp trong ngành nghề cũng như trong cuộc sống; góp ý kịp thời khi thấy đồng nghiệp làm điều sai trái ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp;

h) Ứng xử văn minh, lịch sự trước đồng nghiệp, bình tĩnh khi trình bày ý kiến, phát ngôn có văn hóa, không xúc phạm danh dự và thân thể đồng nghiệp.

Điều 15. Ứng xử trong hội họp, sinh hoạt tập thể; trong giao tiếp qua điện thoại

15.1. Ứng xử trong hội họp, sinh hoạt tập thể

a) Phải nắm được nội dung, chủ đề cuộc họp, Hội thảo, Hội nghị; chủ động chuẩn bị tài liệu và ý kiến phát biểu; có mặt trước giờ quy định ít nhất 05 phút để ổn định chỗ ngồi và tuân thủ quy định của Ban tổ chức điều hành cuộc họp, Hội nghị, Hội thảo.

b) Trong khi họp:

- Không sử dụng điện thoại di động làm ảnh hưởng đến người khác.
- Giữ trật tự, tập trung theo dõi, nghe, ghi chép các nội dung cần thiết; không nói chuyện và làm việc riêng; không bỏ về trước khi kết thúc cuộc họp (*cho dù thời gian họp có kéo dài hơn dự kiến*), không ra vào, đi lại tùy tiện trong phòng họp.
- Phát biểu ý kiến theo điều hành của Chủ tọa hoặc Ban tổ chức; không làm việc riêng hoặc nói chuyện riêng trong cuộc họp, không trao đổi, thảo luận riêng...
- Ý kiến phát biểu phải mang tính chất xây dựng, thể hiện thành ý, nội dung trọng tâm.

- Tôn trọng ý kiến của nhau.

- Lời nói từ tốn, xưng hô lễ độ, không được hàm hồ hoặc gây mất trật tự làm ảnh hưởng đến cuộc họp.

c) Kết thúc cuộc họp: đề khách mời, lãnh đạo cấp trên ra trước, không xô đẩy, chen lấn, dọn dẹp lại chỗ ngồi (*ghế, ngăn bàn, bàn*)...

15.2. Ứng xử trong giao tiếp qua điện thoại, Internet

a) Sử dụng tiết kiệm, chỉ sử dụng điện thoại vào đúng mục đích công việc chung của cơ quan, đơn vị.

b) Sử dụng Internet: thực hiện nghiêm túc quy định về sử dụng Internet của nhà trường.

Điều 16. Ứng xử với người thân trong gia đình

16.1. Có trách nhiệm giáo dục, thuyết phục, vận động người thân trong gia đình chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không vi phạm pháp luật.

16.2. Thực hiện tốt đời sống văn hoá mới nơi cư trú; xây dựng gia đình văn hoá, hạnh phúc, hoà thuận.

16.3. Sống có trách nhiệm với gia đình, đặc biệt là với cha mẹ và con cái.

16.4. Việc tổ chức cưới hỏi, ma chay, mừng thọ, sinh nhật, tân gia và các việc khác tránh xa hoa, lãng phí, đảm bảo nếp sống văn minh.

Điều 17. Ứng xử với nhân dân nơi cư trú

17.1. gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương; chịu sự giám sát của tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể và nhân dân nơi cư trú.

17.2. Kính trọng, lễ phép với người già, người lớn tuổi; cư xử đúng mức với mọi người; tương trợ giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, khó khăn, sống có tình nghĩa với hàng xóm, láng giềng.

17.3. Không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi cư trú; không tham gia, xúi giục, kích động, bao che các hành vi trái pháp luật.

Điều 18. Ứng xử với môi trường

18.1. Có ý thức bảo vệ cơ sở vật chất, xây dựng và giữ gìn môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp; sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, giữ vệ sinh nơi làm việc, hội họp.

18.2. Sử dụng an toàn và tiết kiệm điện, nước, trang thiết bị của nhà trường (trong phòng học, phòng thư viện, phòng làm việc,.....).

18.3. Luôn ý thức giữ gìn và bảo quản đồ dùng dạy học và các phương tiện phục vụ giảng dạy trong nhà trường.

Điều 19. Ứng xử nơi công cộng, đông người

19.1. Thực hiện nếp sống văn hoá, quy tắc, quy định nơi công cộng; giúp đỡ, nhường chỗ cho người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật khi lên, xuống tàu, xe, khi qua đường.

19.2. Giữ gìn trật tự xã hội và vệ sinh nơi công cộng; kịp thời thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền các thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật.

19.3. Không có hành vi hoặc làm những việc trái với thuần phong mỹ tục; luôn giữ gìn phẩm chất của một người làm công tác giáo dục.

Điều 20. Ứng xử trên mạng xã hội

20.1. Chỉ đưa những thông tin chính xác, rõ ràng, minh bạch lên mạng xã hội.

20.2. Tôn trọng quyền riêng tư cá nhân; suy nghĩ, cân nhắc kỹ trước khi đăng tin, bày tỏ cảm xúc, chia sẻ hình ảnh, video clip,... lên mạng xã hội.

20.3. Tìm hiểu kỹ trước khi tham gia vào các cuộc đối thoại, chỉ tham gia khi đã hiểu nội dung, đánh giá cái được, cái mất.

20.4. Quan tâm chia sẻ, tham gia vào các hoạt động trong cộng đồng mạng theo hướng tích cực với ngôn từ văn minh, lịch sự;

20.5. Không đăng thông tin, hình ảnh, clip,... liên quan đến người khác và không gán thẻ khi chưa nhận được sự đồng ý của họ.

20.6. Không tuyên truyền, cổ vũ cho các hành vi trái thuần phong, mỹ tục, trái với Pháp luật Việt Nam; không sử dụng ngôn ngữ gây thù ghét trên mạng xã hội.

20.7. Không lợi dụng mạng xã hội để tư lợi cá nhân bất hợp pháp; Nếu mắc sai lầm, hãy thừa nhận và nhanh chóng sửa sai, khắc phục hậu quả.

20.8. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình trên mạng xã hội.

20.9. Ứng xử trên mạng xã hội phù hợp với vai trò, nguyên tắc, quyền hạn của cá nhân

20.10. Không sử dụng hoặc cung cấp thông tin, hình ảnh, tư liệu của cơ quan, tổ chức, đồng nghiệp và các bên liên quan nếu không được phép.

20.11. Không lạm dụng chức vụ, quyền hạn khi tham gia mạng xã hội.

20.12. Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong cán bộ, đảng viên, quần chúng, không để bị lôi kéo, dụ dỗ tham gia vào các trang độc hại.

20.13. Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, chia sẻ thông tin, xử lý thông tin.

IV. QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 21. Ứng xử với bản thân người học

21.1. Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, trung thực và khiêm tốn.

21.2. Chấp hành tốt pháp luật; quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông.

21.3. Tích cực tham gia đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phòng chống tiêu cực trong học tập, kiểm tra, thi cử.

21.4. Phải có ý thức phấn đấu không ngừng vươn lên trong học tập; biết tự học, tự nghiên cứu.

21.5. Không được nói dối và bao che những khuyết điểm của người khác.

21.6. Đi học, tham gia các buổi tập trung, họp Đoàn, Đội, ngoại khóa phải đúng giờ, tác phong nhanh nhẹn, không hò hét, hô gọi nhau ồn ã, trang phục đúng theo quy định, tư cách học sinh.

21.7. Có ý thức giữ gìn cơ sở vật chất, cây xanh của nhà trường; không đi, đứng, leo trèo, ngồi lên lan can, cầu thang, bàn học, không bẻ cành, hái lá...

21.8. Trang phục, tác phong đến trường phải đúng quy định: trang phục phải sạch sẽ, gọn gàng phù hợp với nội quy nhà trường.

21.9. Không nhuộm tóc, không trang điểm lòe loẹt; tóc phải gọn gàng; học sinh nam không được để tóc dài, đầu tóc phản cảm như cạo trọc, hớt tóc để bờm, đeo khuyên tai.

Điều 22. Ứng xử với bạn bè

22.1. Tôn trọng bạn bè, biết chia sẻ, động viên, giúp đỡ bạn bè vươn lên trong học tập và rèn luyện; không được bao che khuyết điểm cho bạn; không được có những hành động phân biệt đối xử, vu khống, nói xấu bạn bè; giữ gìn mối quan hệ bình đẳng, trong sáng với bạn bè khác giới.

22.2. Không sử dụng mạng internet, mạng xã hội... để nói xấu, tuyên truyền nhằm bôi nhọ, kích động hận thù đối người khác.

Điều 23. Ứng xử với thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên, người lao động trong nhà trường

23.1. Có thái độ tôn trọng, lễ phép với thầy, cô giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường.

23.2. Việc chào hỏi, xưng hô với thầy cô giáo, nhân viên trong nhà trường, khách đến thăm, làm việc với nhà trường phải đảm bảo kính trọng, lịch sự, lễ phép.

23.3. Không được có những lời nói, hành vi thiếu chuẩn mực đạo đức, vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lớn tuổi trong nhà trường.

Điều 24. Ứng xử với khách đến làm việc

24.1. Khi có khách đến thăm trường, học sinh phải biết chào hỏi lịch sự; hướng dẫn tận tình khi khách cần giúp đỡ.

24.2. Lễ phép, kính trọng và vâng lời người lớn tuổi; biết kính trên nhường dưới; giúp đỡ người lớn tuổi khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Điều 25. Ứng xử trong gia đình

25.1. Ứng xử trong xưng hô, mời, gọi đảm bảo sự kính trọng, lễ phép, thương yêu, quan tâm đến mọi người trong gia đình.

25.2. Khi đi đâu phải xin phép cha, mẹ; khi người lớn hỏi phải trả lời lễ phép, rõ ràng.

25.3. Không khích bác, công kích, lên án ông bà, cha mẹ và người lớn tuổi.

25.4. Khi có khách đến nhà phải chào hỏi lễ phép, giao tiếp cởi mở, chân tình.

25.5. Không nói chen vào hay đứng cạnh khi bố, mẹ nói chuyện với khách khi không được phép; hoặc nói lớn tiếng, chửi mắng, nói xấu ở ngoài khi cha, mẹ đang tiếp khách...

Điều 26. Ứng xử với môi trường

26.1. Biết cách bảo vệ sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho bản thân; có ý thức tham gia học hỏi, rèn luyện kỹ năng sống.

26.2. Có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cơ sở vật chất, xây dựng và giữ gìn trường, lớp xanh, sạch đẹp.

26.3. Sử dụng an toàn và tiết kiệm điện, nước, trang thiết bị của nhà trường; có ý thức bảo vệ các công trình văn hóa, các di tích lịch sử ở địa phương.

26.4. Tìm hiểu, giữ gìn và phát huy truyền thống địa phương, truyền thống nhà trường.

Điều 27. Ứng xử với cộng đồng xã hội

27.1. Ứng xử trong giao tiếp đảm bảo lễ phép; ân cần giúp đỡ, hỏi thăm, chia sẻ chân tình, không cãi cọ, xích mích, trả thù.

27.2. Ứng xử trong sinh hoạt đảm bảo tôn trọng sự yên tĩnh chung, không gây mất trật tự an ninh, không gây ồn ào, mất vệ sinh chung.

27.3. Cử chỉ, hành động lịch thiệp; biết nói “xin lỗi” khi làm phiền và “cảm ơn” khi được giúp đỡ.

27.4. Không gây ồn ào, có những hành vi khiếm nhã, bình phẩm xấu người khác.

27.5. Hiểu biết đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật, tự giác và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

27.6. Khi tham gia giao thông phải có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng; tôn trọng nhường nhịn, giúp đỡ người khác.

27.7. Tự giác chấp hành quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông ngay cả khi không có lực lượng chức năng tuần tra kiểm soát trên đường.

Điều 28. Ứng xử trên mạng xã hội

28.1. Chỉ đưa những thông tin chính xác, rõ ràng, minh bạch lên mạng xã hội.

28.2. Tôn trọng quyền riêng tư cá nhân; suy nghĩ, cân nhắc kỹ trước khi đăng tin, bày tỏ cảm xúc, chia sẻ hình ảnh, video clip,... lên mạng xã hội.

28.3. Tìm hiểu kỹ trước khi tham gia vào các cuộc đối thoại, chỉ tham gia khi đã hiểu nội dung..

28.4. Quan tâm chia sẻ, tham gia vào các hoạt động trong cộng đồng mạng theo hướng tích cực với ngôn từ văn minh, lịch sự;

28.5. Không đăng thông tin, hình ảnh, clip,... liên quan đến người khác và không gán thẻ khi chưa nhận được sự đồng ý của họ.

28.6. Không tuyên truyền, cổ vũ cho các hành vi trái thuần phong, mỹ tục, trái với Pháp luật Việt Nam; không sử dụng ngôn ngữ gây thù ghét trên mạng xã hội.

28.7. Không lợi dụng mạng xã hội để tư lợi cá nhân bất hợp pháp; Nếu mắc sai lầm, hãy thừa nhận và nhanh chóng sửa sai, khắc phục hậu quả.

28.8. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình trên mạng xã hội.

28.9. Ứng xử trên mạng xã hội phù hợp với vai trò, nguyên tắc, quyền hạn của cá nhân

28.10. Không sử dụng hoặc cung cấp thông tin, hình ảnh, tư liệu của cơ quan, tổ chức nếu không được phép.

V. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động trong nhà trường

29.1. Có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy tắc này.

29.2. Có trách nhiệm vận động các đồng nghiệp thực hiện đúng các quy định tại Quy tắc này; khi phát hiện cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường vi phạm Quy tắc này phải kịp thời góp ý để họ sửa đổi, đồng thời phản ánh với Ban lãnh đạo nhà trường.

Điều 30. Trách nhiệm của học sinh

Học sinh có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định tại Quy tắc này. Nếu phát hiện cá nhân vi phạm Quy tắc này phải kịp thời góp ý, đồng thời phản ánh với giáo viên chủ nhiệm, Lãnh đạo nhà trường để xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 31. Trách nhiệm của Ban lãnh đạo nhà trường.

31.1. Quán triệt, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy tắc này, làm căn cứ để đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên, đánh giá thi đua theo tháng, học kỳ, năm học.

31.2. Công khai Quy tắc này.

31.3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy tắc này của cán bộ, giáo viên, nhân viên; phê bình, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

VI. XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nếu vi phạm các quy định tại bộ Quy tắc ứng xử này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Tổ chức thực hiện

33.1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thuộc thẩm quyền quản lý và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy tắc này.

33.2. Phối hợp với Công đoàn trong việc tuyên truyền, phổ biến, theo dõi, đánh giá xếp loại viên chức và thi đua.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được thông qua và áp dụng trong hội đồng sư phạm nhà trường.

Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh hoặc có các văn bản hướng dẫn của cấp trên thì sẽ được rà soát bổ sung hàng năm cho phù hợp; mọi sự thay đổi được ban lãnh đạo của trường thông qua và Hiệu trưởng quyết định thực hiện./.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Đức Cường

Thái Thị Phượng